

Bản án số: 56/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 7 - 2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Đức Hạnh, ông Nguyễn Xuân Định.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nam – Thư ký Toà án nhân dân huyện Ý Yên tỉnh Nam Định.

Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 26/7/2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Ý Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 89/2024/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/7/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trịnh Thị D**, sinh năm 1999;

ĐKHKTT: **Thôn P, xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định.**

Nơi ở hiện nay: **Thôn T, xã Y, huyện Ý, Nam Định.**

Bị đơn: Anh **Đình Văn L**, sinh năm 1991;

Địa chỉ: **Thôn P, xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định.**

Tại phiên tòa: Vắng mặt chị **D**, anh **L** (chị **D** có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; anh **L** vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại các buổi làm việc tại Tòa án, nguyên đơn chị **Trịnh Thị D** trình bày: Chị và anh **Đình Văn L** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định** ngày 08/02/2022. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã, bất đồng nên đời sống chung luôn căng thẳng, không có hạnh phúc. Chị đã chủ động sống ly thân anh **L** từ khoảng

tháng 02/2024 đến nay. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh **L** không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định giải quyết cho chị được ly hôn với anh **Đình Văn L**.

Về con chung: Chị và anh **Đình Văn L** có 01 con chung là cháu **Đình Gia K**, sinh ngày 27/4/2022 hiện nay đang ở cùng với anh **L**. Chị rất muốn được nuôi dưỡng con chung tuy nhiên do anh **L** và gia đình cũng có mong muốn được nuôi dưỡng con chung vì vậy chị đồng ý để con chung cho anh **L** trực tiếp nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị **D** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng, giấy triệu tập anh **L** đến làm việc nhưng anh **L** vắng mặt không lý do.

3. Kết quả thu thập chứng cứ tại địa phương thể hiện nội dung: Anh **Đình Văn L** và chị **Trịnh Thị D** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng có đăng ký kết hôn tại **UBND xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định** vào ngày 08/02/2022. Quá trình chung sống, anh **L** và chị **D** có xảy ra mâu thuẫn gì với nhau, nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể như thế nào thì địa phương không nắm rõ. Chỉ biết rằng hiện nay chị **D** không còn chung sống cùng anh **L** nữa. Về con chung: Anh **L** và chị **D** có 01 con chung là cháu **Đình Gia K**, sinh ngày 27/4/2022 hiện nay đang ở cùng anh **L**. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác có liên quan trong quan hệ hôn nhân giữa anh **L** và chị **D** cụ thể như thế nào thì địa phương không nắm rõ. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án theo đơn khởi kiện xin ly hôn của chị **D**, địa phương đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh **L**, anh **L** biết việc chị **D** xin ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Ý Yên nhưng do bận đi làm nên không đến Tòa án **huyện Ý, tỉnh Nam Định** để giải quyết vụ án được. Quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

4. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ban hành Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại buổi làm việc, chị **D** có mặt, anh **L** vắng mặt. Chị **D** có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh **L** theo quy định tại khoản 3 Điều 210 và quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa:

Chị **D** xin giải quyết vắng mặt. Anh **L** mặc dù được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Chủ tọa phiên tòa công bố đơn của chị **D**

đề nghị xét xử vắng mặt. Vụ án được xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa có quan điểm:

Về tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng quy định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn không thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung:

Về tình cảm: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **Trịnh Thị D.**

Về con chung: Đề nghị áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình giao con chung cháu **Đình Gia K,** sinh ngày 27/4/2022 cho anh **Đình Văn L** trực tiếp nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung không đề nghị Tòa xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc chị **D** phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án chị **D** có đề nghị xin xét xử vắng mặt, anh **L** mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị **Trịnh Thị D** và anh **Đình Văn L** tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 08/02/2022 tại Ủy ban nhân dân xã **Y,** huyện **Ý,** tỉnh

Nam Định. Đây là hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc được đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không tìm được tiếng nói chung, hay xảy ra va chạm dẫn đến cuộc sống chung không có hạnh phúc. Chị **D** xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên kiên quyết xin ly hôn với anh **L**. Về phía anh **L**, mặc dù anh biết việc chị **D** xin ly hôn, đã được Toà án triệu tập để tham gia tố tụng, thông báo để hoà giải cho anh chị nhưng anh **L** vẫn cố tình vắng mặt. Điều đó chứng tỏ anh không còn thiết tha hàn gắn tình cảm với chị **D** nữa. Toà án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải cho anh chị nhưng anh **L** vẫn vắng mặt. Chị **D** đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải vụ án và kiên quyết xin ly hôn anh **L** nên Toà án không thể gắn kết hạnh phúc cho anh chị được. Xét thấy, anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không có, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn của chị **D**, xử cho anh chị ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị **D** và anh **L** có 01 con chung là cháu **Đình Gia K**, sinh ngày 27/4/2022 hiện nay đang ở cùng với anh **L**. Việc chăm sóc, nuôi dạy con chung chưa thành niên là trách nhiệm, nghĩa vụ, là quyền lợi của cha mẹ. Xét thấy, hiện nay con chung đang ở cùng anh **L**, mặt khác chị **D** và anh **L** cùng thống nhất việc để anh **L** là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy cần tiếp tục giao con chung cho anh **L** trực tiếp nuôi dưỡng để con chung phát triển tốt nhất về thể chất và tinh thần. Không ai yêu cầu giải quyết vấn đề về cấp dưỡng nuôi con chung nên Toà án không xem xét giải quyết vấn đề cấp dưỡng là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị **D**, anh **L** không yêu cầu giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc chị **D** phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị **Trịnh Thị D** và anh **Đình Văn L**.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu **Đình Gia K**, sinh ngày 27/4/2022 cho anh **Đình Văn L** trực tiếp nuôi dưỡng. Chị **Trịnh Thị D** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí sơ thẩm ly hôn: Chị **Trịnh Thị D** phải nộp là 300.000 đồng, đối trừ tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003597, ngày 17/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên, chị **D** đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo của đương sự: Chị **Trịnh Thị D** và anh **Đình Văn L** được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh+Huyện;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Các đương sự;
- UBND xã Yên Cường, huyện Ý Yên;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Minh Tâm